

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

*Các Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007*

và Báo cáo của Ban Giám đốc



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối Kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	9 - 19

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 ("Công ty") trình bày Báo cáo này và các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4603000077 ngày 13 tháng 8 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Công ty có sáu lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 15 tháng 4 năm 2004.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 01 tháng 11 năm 2004.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 19 tháng 7 năm 2005.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 25 tháng 11 năm 2005.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 04 tháng 6 năm 2007.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 26 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng các loại, bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông cốt thép dùng cho các công trình xây dựng, nhà bê tông dự ứng lực và các kết cấu kim loại khác.
- Kinh doanh vật liệu và vật tư ngành xây dựng.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, cấp thoát nước và san lấp mặt bằng. Thi công xây lắp công trình điện dân dụng và công nghiệp, lưới điện hạ thế từ 35KV trở xuống.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác.
- Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng công trình.
- Khai thác, cho thuê bến bãi.

Công ty có trụ sở chính tại xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 đồng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lãi trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty là 6.643.357.473 đồng Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập Bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập Báo cáo này như sau:

ông Mai Long	Chủ tịch
ông Đặng Hoàng Huy	Thành viên
ông Trần Văn Bùi	Thành viên
ông Đỗ Thạch Cương	Thành viên
ông Phạm Văn Hải	Thành viên



Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập Báo cáo này như sau:

ông Trần Văn Bùi	Giám đốc
ông Dương Đình Thắng	Phó Giám đốc
ông Phạm Đức Hường	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán FADACO bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các Báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các Báo cáo tài chính kèm theo. Các Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Thay mặt Ban Giám đốc

ông Trần Văn Bùi
Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 2 năm 2008



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CHÂU Á
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN TƯ VẤN TÀI CHÍNH VÀ ĐỊNH GIÁ

Trụ sở: Phòng 706 CT2B,
Khu đô thị Mỹ Đình II, Hà Nội
Tel : (84-4) 787 1195 / 219 1196 - Fax : (84-4) 787 1196

E - mail: fadaco_audit@yahoo.com.vn
audit@fadaco.net
Website: www.fadaco.net

Số: /BCKT/2008/FADACO

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 ("Công ty") lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 như được trình bày từ trang 5 đến trang 19. Các Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các Báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Hạn chế trong phạm vi kiểm toán

- Số dư đầu kỳ trên Báo cáo tài chính do một công ty kiểm toán khác kiểm toán, do đó chúng tôi không nhận xét về số dư này cũng như các ảnh hưởng của nó đến số dư cuối kỳ trên Báo cáo tài chính.
- Do kiểm toán viên không thể tham gia kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định tại ngày lập Báo cáo tài chính nên chúng tôi chưa thể đưa ý kiến về tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục này vào cuối kỳ cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty.
- Hiện nay Công ty chưa xây dựng được tiêu thức cụ thể cho việc tính giá vốn hàng bán, do đó chúng tôi chưa thể đưa ý kiến về khoản mục này trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của vấn đề được đề cập trong các đoạn trên, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Vũ Khải Hoàn
Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0131/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 2 năm 2008

Giáp Đăng Kha
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0914/KTV



Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2007	Tại ngày 31/12/2006
A. Tài sản ngắn hạn	100		59.410.301.650	16.752.243.269
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	8.784.302.667	2.569.844.787
1. Tiền	111		8.784.302.667	2.569.844.787
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		29.398.734.549	2.957.303.986
1. Phải thu của khách hàng	131	4	24.328.019.551	894.003.986
2. Trả trước cho người bán	132		4.369.171.640	863.300.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	1.100.000.000
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu khác	135	5	951.543.358	100.000.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(250.000.000)	-
IV. Hàng tồn kho	140	6	20.927.264.434	9.128.274.614
1. Hàng tồn kho	141		20.927.264.434	9.128.274.614
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		300.000.000	2.096.819.882
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		300.000.000	1.276.002.470
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	336.268.433
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	484.548.979
B. Tài sản dài hạn	200		60.567.303.300	51.300.760.678
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		60.437.554.464	51.300.760.678
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	39.212.814.585	37.294.522.770
- Nguyên giá	222		44.626.701.726	39.736.621.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.413.887.141)	(2.442.099.144)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	21.224.739.879	14.006.237.908
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		129.748.836	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		129.748.836	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		119.977.604.950	68.053.003.947

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2007	Tại ngày 31/12/2006
A. Nợ phải trả	300		60.181.397.507	49.910.653.977
I. Nợ ngắn hạn	310		38.981.397.507	25.710.653.977
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	18.941.030.519	8.029.129.471
2. Phải trả người bán	312		9.000.308.350	11.285.192.033
3. Người mua trả tiền trước	313		6.904.493.510	5.252.561.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	1.575.544.072	16.987.415
5. Phải trả người lao động	315		1.186.916.435	596.103.981
6. Chi phí phải trả	316		50.000.000	-
7. Phải trả nội bộ	317		919.569.002	208.832.382
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	319		403.535.619	321.847.295
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330	9	21.200.000.000	24.200.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		21.200.000.000	24.200.000.000
B. Vốn chủ sở hữu	400		59.796.207.443	18.142.349.970
I. Vốn chủ sở hữu	410	11	59.796.207.443	18.142.349.970
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	22.550.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.560.500.000	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.235.707.443	(4.407.650.030)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		119.977.604.950	68.053.003.947

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2007	Tại ngày 31/12/2006
1. Ngoại tệ các loại (đôla Mỹ)	-	-

ông Nguyễn Gia Nhân
Kế toán trưởng

ông Trần Văn Bùi
Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 2 năm 2008

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	12	52.150.922.233	6.964.733.862
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		52.150.922.233	6.964.733.862
4. Giá vốn hàng bán	11	12	40.714.707.320	9.314.817.081
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.436.214.913	(2.350.083.219)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		146.334.309	33.048.775
7. Chi phí tài chính	22		1.310.037.320	178.690.568
+ Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.293.149.755	173.499.833
8. Chi phí bán hàng	24		325.997.815	40.913.636
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.991.824.768	1.914.693.308
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.954.689.319	(4.451.331.956)
11. Thu nhập khác	31		52.620.528	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		52.620.528	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.007.309.847	(4.451.331.956)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		363.952.374	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.643.357.473	(4.451.331.956)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-



ông Nguyễn Gia Nhân
Kế toán trưởng



ông Trần Văn Bùi
Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 2 năm 2008

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.007.309.847	(4.451.331.956)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	7	2.971.787.997	2.442.099.144
- Các khoản dự phòng	03		250.000.000	-
- Chi phí lãi vay	06		1.293.149.755	173.499.833
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.522.247.599	(1.835.732.979)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(26.691.430.563)	(1.047.753.750)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(11.798.989.820)	(3.029.495.542)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		2.348.542.841	6.726.744.780
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		976.002.470	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.243.149.755)	(173.499.833)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		287.415.843	11.242.788.191
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(13.036.781.024)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.599.361.385)	(1.153.730.157)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(12.108.581.783)	(10.808.193.657)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.108.581.783)	(10.808.193.657)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		35.010.500.000	2.550.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		21.163.095.715	14.242.658.707
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13.251.194.667)	(3.239.462.049)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		42.922.401.048	13.553.196.658
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.214.457.880	1.591.272.844
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3	2.569.844.787	978.571.943
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3	8.784.302.667	2.569.844.787

Ông Nguyễn Gia Nhân
Kế toán trưởng

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 2 năm 2008

Ông Trần Văn Bùi
Giám đốc

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4603000077 ngày 13 tháng 8 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Công ty có sáu lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 15 tháng 4 năm 2004.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 01 tháng 11 năm 2004.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 19 tháng 7 năm 2005.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 25 tháng 11 năm 2005.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 ngày 04 tháng 6 năm 2007.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 ngày 26 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng các loại, bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông cốt thép dùng cho các công trình xây dựng, nhà bê tông dự ứng lực và các kết cấu kim loại khác.
- Kinh doanh vật liệu và vật tư ngành xây dựng.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, cấp thoát nước và san lấp mặt bằng. Thi công xây lắp công trình điện dân dụng và công nghiệp, lưới điện hạ thế từ 35KV trở xuống.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản.
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác.
- Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, thiết kế tổng thể mặt bằng xây dựng công trình.
- Khai thác, cho thuê bến bãi.

Công ty có trụ sở chính tại xã An Tây, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 đồng.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2); và
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (VND).

Các Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ Báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các Báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - giá vốn thực tế theo phương pháp giá thực tế đích danh. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. |

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) dựa trên bằng chứng thích hợp về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản phải thu (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được xác định theo quy định tại Thông tư 13/2006/TT-BTC. Công ty không lập dự phòng chung cho các khoản phải thu khó đòi.

Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng cho tất cả các tài sản cố định hữu hình và vô hình trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận chuyển	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm

Chi phí chờ phân bổ

Công cụ và vật tư có giá trị lớn sử dụng cho sản xuất được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Trích lập trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích lập vào cuối mỗi năm Báo cáo cho toàn bộ công nhân viên đã làm việc tại công ty được hơn 1 năm với mức trích lập bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam, đến thời kiểm toán vẫn chưa có biên bản họp Đại hội đồng cổ đông năm 2007.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động xây dựng và bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua. Doanh thu hoạt động xây dựng được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu, quyết toán A – B.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích Báo cáo tài chính

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TIỀN

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền mặt	1.147.178.875	133.450.136
Tiền gửi ngân hàng	7.637.123.792	2.436.394.651
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	8.784.302.667	2.569.844.787

4. PHẢI THU KHÁCH HÀNG



Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Công ty xây lắp Miền Nam	12.874.999.999	-
Công ty Vinashin Cà Mau	7.303.224.553	-
Tổng công ty cơ khí xây dựng	3.297.567.000	-
Các đối tượng khác	852.227.999	894.003.986
Cộng	24.328.019.551	894.003.986

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Tạm ứng	951.543.358	100.000.000
Cộng	951.543.358	100.000.000

6. HÀNG TỒN KHO

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	8.011.635.174	2.008.488.865
Công cụ, dụng cụ	473.322.138	58.839.546
Chi phí SX, KD dở dang	12.340.016.135	6.435.793.670
Thành phẩm	102.290.987	625.152.533
Cộng giá gốc hàng tồn kho	20.927.264.434	9.128.274.614

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

<i>Khoản mục</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>TSCĐ hữu hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá TSCĐ hữu					
Số dư đầu Năm nay	30.872.309.303	7.501.039.591	405.158.693	958.114.327	39.736.621.914
Mua trong Năm nay	-	4.823.702.906	28.571.429	37.805.477	4.890.079.812
Số dư cuối Năm nay	30.872.309.303	12.324.742.497	433.730.122	995.919.804	44.626.701.726
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu Năm nay	1.147.416.696	1.072.801.277	81.031.740	140.849.431	2.442.099.144
Khấu hao trong Năm nay	1.459.086.780	1.223.166.642	107.222.212	182.312.363	2.971.787.997
Số dư cuối Năm nay	2.606.503.476	2.295.967.919	188.253.952	323.161.794	5.413.887.141
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
Tại ngày đầu Năm nay	29.724.892.607	6.428.238.314	324.126.953	817.264.896	37.294.522.770
Tại ngày cuối Năm nay	28.265.805.827	10.028.774.578	245.476.170	672.758.010	39.212.814.585



Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

8. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Mua sắm TSCĐ	1.843.481.047	1.873.594.737
Xây dựng nhà máy bê tông dự ứng lực Bình Dương	19.243.021.281	12.085.521.492
Xây dựng cảng sà lan	48.237.551	47.121.679
Sửa chữa TSCĐ lớn	90.000.000	-
Cộng	21.224.739.879	14.006.237.908

9. VAY NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

<i>Bên cho vay</i>	<i>Đồng tiền vay</i>	<i>Số dư đầu năm</i>	<i>Tiền vay nhận trong năm</i>	<i>Tiền vay trả trong năm</i>	<i>Số dư cuối năm</i>	<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả (*)</i>
<i>Vay ngắn hạn</i>						
NH ĐT&PT Bình Dương	VNĐ	4.329.129.471	21.163.095.715	(9.751.194.667)	15.741.030.519	-
Tổng Công Ty	VNĐ	3.200.000.000	-	-	3.200.000.000	-
Công Ty Xuân Mai	VNĐ	500.000.000	-	(500.000.000)	-	-
Cộng vay ngắn hạn		8.029.129.471	21.163.095.715	(10.251.194.667)	18.941.030.519	
<i>Vay dài hạn</i>						
NH ĐT & PT Bình Dương	VNĐ	24.200.000.000	-	(3.000.000.000)	21.200.000.000	4.000.000.000
Cộng vay dài hạn ngân hàng		24.200.000.000	-	(3.000.000.000)	21.200.000.000	4.000.000.000
Tổng vay		32.229.129.471	21.163.095.715	(13.251.194.667)	40.141.030.519	4.000.000.000

(*) Phần vay dài hạn đến hạn trả đã bao gồm trong số dư cuối kỳ.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đầu năm</i>	<i>Phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Cuối năm</i>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	(336.268.433)	6.163.377.293	4.758.684.610	1.068.424.250
Thuế xuất, nhập khẩu	-	203.048.542	82.593.302	120.455.240
Thuế TNDN	16.987.415	363.952.374	-	380.939.789
Thuế thu nhập cá nhân	-	5.724.793	-	5.724.793
Cộng	(319.281.018)	6.736.103.002	4.841.277.912	1.575.544.072

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Cộng</i>
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	-	43.681.926	20.043.681.926
- Tăng vốn trong năm trước	2.550.000.000	-	-	2.550.000.000
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	(4.451.331.956)	(4.451.331.956)
Số dư đầu năm nay	22.550.000.000	-	(4.407.650.030)	18.142.349.970
- Tăng vốn trong năm nay	27.450.000.000	7.560.500.000	-	35.010.500.000
- Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	6.643.357.473	6.643.357.473
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	7.560.500.000	2.235.707.443	59.796.207.443

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
Tổng công ty Vinaconex	12.750.000.000	12.750.000.000
Công ty Vinaconex Xuân Mai	12.200.000.000	8.000.000.000
Công ty Xây dựng số 9	1.250.000.000	1.000.000.000
Ông Trần Văn Bùi	2.424.000.000	800.000.000
Các cổ đông khác	28.936.500.000	-
Cộng	57.560.500.000	22.550.000.000



Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

12. DOANH THU THEO NGÀNH

	Năm nay	Tỷ trọng	Năm trước	Tỷ trọng
Doanh thu thuần				
- Xây lắp	15.645.276.670	30,00%	705.845.955	10,13%
- Sản xuất công nghiệp	31.290.553.340	60,00%	2.758.414.387	39,61%
- Doanh thu khác	5.215.092.223	10,00%	3.500.473.520	50,26%
Tổng doanh thu thuần	52.150.922.233		6.964.733.862	
Giá vốn hàng bán				
- Xây lắp	12.214.412.196	30,00%	2.794.445.124	30,00%
- Sản xuất công nghiệp	24.428.824.392	60,00%	5.588.890.249	60,00%
- Doanh thu khác	4.071.470.732	10,00%	931.481.708	10,00%
Tổng giá vốn hàng bán	40.714.707.320		9.314.817.081	
Lãi gộp				
- Xây lắp	3.430.864.474	30,00%	(2.088.599.169)	88,87%
- Sản xuất công nghiệp	6.861.728.948	60,00%	(2.830.475.862)	120,44%
- Doanh thu khác	1.143.621.491	10,00%	2.568.991.812	-109,31%
Tổng lãi gộp	11.436.214.913		(2.350.083.219)	
Tỷ suất lợi nhuận				
- Xây lắp	21,93%		-295,90%	
- Sản xuất công nghiệp	21,93%		-102,61%	
- Doanh thu khác	21,93%		73,39%	
Tổng tỷ suất lợi nhuận	21,93%		-33,74%	

13. CHỈ SỐ TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG

	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	49.52	24.62
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	50.48	75.38
Cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	50.16	73.34
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	49.84	26.66
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	1.52	0.65
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.99	0.30
Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	13.44	(63.91)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	12.74	(63.91)
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	-	-
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	-	-
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	11.11	(24.54)



Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

14. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty được miễn thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") trong 2 năm đầu kể từ khi có lãi và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo.

Các Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được Báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

15. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i> VND
Công ty Vinaconex Xuân Mai	Đơn vị thuộc Tổng công ty	Bán hàng	372.598.435
Công ty cơ giới LM Vimeco	Đơn vị thuộc Tổng công ty	Bán hàng	77.142.857
Công ty VINAHUD	Đơn vị thuộc Tổng công ty	Bán hàng	587.203.402
			1.036.944.694

Các số dư đối với các bên liên quan tại thời điểm lập bảng Báo cáo tài chính bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung số dư</i>	<i>Phải thu (Phải trả)</i> VND
Tổng Công ty Vinaconex	Công ty mẹ	Phải trả tiền hàng	(919.569.002)
		Vay ngắn hạn	(3.200.000.000)
Công ty Vinaconex Xuân Mai	Đơn vị thuộc Tổng công ty	Phải trả tiền hàng	1.604.153.613
Công ty CP VINACONEX Sài Gòn	Đơn vị thuộc Tổng công ty	Phải thu tiền hàng	14.760.000
Cty CP ĐTPPT nhà và đô thị Vinaconex VINAHUD	Đơn vị thuộc Tổng công ty	Phải thu tiền hàng	79.635.342
			(2.421.020.047)

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

16. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 được Giám đốc phê duyệt để phát hành vào ngày 20 tháng 2 năm 2008.



ông Nguyễn Gia Nhân
Kế toán trưởng



ông Trần Văn Bùi
Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 2 năm 2008

